

DẠY HỌC CA DAO TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI VĂN HÓA DÂN GIAN FOLK VERSES TEACHING IN RELATION TO FOLKLORE

Võ Thị Ngọc Kiều¹

Tóm tắt

Bài viết đề cập đến nội dung chương trình, cách thức tổ chức dạy học ca dao ở nhà trường trong mối quan hệ với văn hóa dân gian. Tích hợp văn hóa dân gian trong dạy học ca dao là dùng những tri thức văn hóa đã được “mã hóa” trong từng tác phẩm để lí giải, cắt nghĩa các tác phẩm. Từ đó tìm ra và khẳng định những nét đẹp văn hóa của dân tộc qua từng tác phẩm ca dao.

Từ khóa: Dạy học văn học dân gian, văn hóa dân gian, ca dao, học sinh, giáo viên.

Abstract

The paper refers to the curriculum's content, how to teach folk verses at school in relation to folklore. Integrated folklore in teaching folk verses are used the cultural knowledge has been “encoded” in each verse to explain and define the work itself. From there, find and affirm the cultural beauty of the ethnic through each the folk verse.

Keywords: Folklore teaching, Folklore, folk verse, pupil, teacher.

1. Đặt vấn đề

Với tư cách là một loại hình nghệ thuật nguyên hợp, văn học dân gian là một bộ phận của văn hóa dân gian và là một ngữ liệu quan trọng để nghiên cứu văn hóa dân gian. Sinh ra trên cơ sở của một nền văn hóa nhất định, văn học dân gian không chỉ là một loại nghệ thuật ngôn từ (ngôn ngữ nói), mà còn chứa đựng trong đó những dấu ấn văn hóa, những quan niệm văn hóa – nghệ thuật, những tín ngưỡng, tôn giáo, những phong tục, tập quán của cộng đồng. Những giá trị văn hóa đó làm nên chiều sâu, giá trị của văn học dân gian.

Tuy nhiên, chúng ta cần xác định, văn học dân gian dù có quan hệ hữu cơ với văn hóa dân gian thì vẫn không hòa tan hoàn toàn bản chất nghệ thuật của nó vào các yếu tố văn hóa dân gian. Nên khi tìm hiểu văn học dân gian, chúng ta cũng cần chú ý đến quy trình ngược lại. Đó là quá trình các yếu tố văn hóa dân gian khác đã “khúc xạ”, “biến dạng” thành các yếu tố nghệ thuật trong các tác phẩm văn học dân gian. Các yếu tố đó tạo thành những “mã văn hóa” mà mỗi khi tìm hiểu, khám phá một tác phẩm văn học dân gian, chúng ta cần giải mã để có thể hiểu một cách sâu sắc, thấu đáo các giá trị tiềm ẩn trong đó. Và đây cũng chính là điểm hấp dẫn của các tác phẩm văn học dân gian, trong đó có các bài ca dao.

Thực tế cho thấy dùng văn hóa để giải thích các yếu tố, chi tiết trong tác phẩm ca dao vừa đúng với đặc trưng của đối tượng giảng dạy, nghiên cứu, vừa tạo được sự hứng thú cho học sinh. Từ việc giải các

mã văn hóa trong tác phẩm, học sinh sẽ hiểu được tác phẩm, nhận ra những giá trị văn hóa, lịch sử trong tác phẩm và có thể vận dụng những tri thức đó vào trong đời sống thực tiễn. Từ đó có thể thấy, việc dạy học các tác phẩm văn học dân gian ở nhà trường hiện nay không nên dừng lại ở góc độ phân tích ngôn từ mà giáo viên cần trang bị cho học sinh những tri thức về văn hóa dân gian.

Ngoài ra, các bài ca dao khi trở thành đối tượng tiếp nhận, cảm thụ của giáo viên và học sinh, chứ không chỉ là đối tượng cảm thụ của độc giả nói chung, thì nó đã có một đời sống khác, có những điểm khu biệt với việc thưởng thức các bài ca dao ngoài nhà trường. Điều này là do mối quan hệ giữa tác phẩm văn chương với thực tiễn nhà trường. Khi được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn, các bài ca dao bị quy định bởi hàng loạt các điều kiện sư phạm cụ thể. Tác phẩm đã trở thành công cụ giáo dục đặc biệt, nhằm thỏa mãn những nhu cầu của xã hội đặt ra cho nó. Đối với học sinh, việc học các bài ca dao là một yêu cầu bắt buộc, có sự hướng dẫn; học sinh học tác phẩm trong môi trường tập thể, mà sự tương tác qua lại giữa giáo viên và các học sinh khác cũng tạo nên những tác động không nhỏ đến cách tiếp nhận của họ. Từ yêu cầu trên, trong quá trình dạy học ca dao, giáo viên cũng cần lựa chọn, vận dụng những phương pháp dạy học thích hợp.

Thực tế trên đặt ra cho việc dạy học các bài ca dao yêu cầu vừa đảm bảo mục tiêu sư phạm vừa đảm bảo đặc trưng thể loại. Trong đó, theo chúng tôi, chú ý thích đáng đến đặc trưng thể loại sẽ giải quyết được thấu đáo những vấn đề cơ bản về quan

¹ Thạc sĩ, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên - Hướng nghiệp dạy nghề Thành phố Trà Vinh

niệm dạy học cũng như thực tiễn dạy học những tác phẩm ca dao cụ thể trong nhà trường. Trong đó, việc tạo ra bầu không khí văn hóa trong giờ dạy ca dao là điều cần thiết, có ý nghĩa quyết định.

2. Nội dung

2.1. Khái quát chương trình dạy học ca dao bậc trung học

Là một trong hai bộ phận cấu thành nền văn học của một dân tộc, văn học dân gian đã được đưa vào giảng dạy trong nhà trường Việt Nam các cấp. Cùng với mục tiêu hình thành và phát triển các năng lực ngữ văn như: năng lực sử dụng tiếng Việt; năng lực tiếp nhận văn học, cảm thụ thẩm mỹ;... với các yêu cầu được nâng cao theo từng cấp học, dạy học các tác phẩm văn học dân gian nói chung, ca dao nói riêng còn giúp giáo viên truyền thụ những kiến thức văn hóa dân gian đến cho học sinh một cách hiệu quả nhất. Với tầm quan trọng như thế, chương trình ca dao trong sách giáo khoa Ngữ văn các cấp học qua những lần cải cách đã có những thay đổi tích cực.

Ở bậc Trung học Cơ sở, phần ca dao được dạy ở chương trình Ngữ văn 7 (sách giáo khoa Ngữ văn 7 tập I, II, tái bản lần thứ nhất, Nhà xuất bản Giáo dục, 2004). Trong đó, số tiết được phân bố là 04 tiết, gồm: *Những câu hát về tình cảm gia đình* (1 tiết – dạy bài 1, bài 4); *Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người* (1 tiết – dạy bài 1, bài 4); *Những câu hát than thân* (1 tiết – dạy bài 2, bài 3); *Những câu hát châm biếm* (1 tiết – dạy bài 1, bài 3).

Ở bậc Trung học Phổ thông, phần ca dao được dạy ở chương trình Ngữ văn 10. Trong chương trình Ngữ văn 10, Tập I cơ bản (tái bản lần thứ 3, Nhà xuất bản Giáo dục, 2009), phần văn học dân gian được dạy 13 tiết với 7 thể loại. Trong đó thể loại ca dao được phân phối 04 tiết với 2 nhóm: *Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa* và *Ca dao hài hước*. Còn chương trình Ngữ văn 10 nâng cao (tái bản lần 3, NXB Giáo dục, 2009), phần văn học dân gian có 20 tiết với 8 thể loại. Riêng phần ca dao được chia thành 3 nhóm: *Ca dao than thân*; *Ca dao yêu thương tình nghĩa* và *Ca dao hài hước, châm biếm*.

Như vậy, các bài ca dao trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn ở các bậc học khi được chọn lựa đã cơ bản đảm bảo tính tích hợp theo định hướng đổi mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Và phần ca dao giữa chương trình lớp Ngữ văn 10 nâng cao và chương trình lớp Ngữ văn 7 có sự thống nhất về các

mảng đề tài.

Tuy nhiên, có thể thấy, trong chương trình Ngữ văn hiện nay, số tiết được phân phối để dạy các bài ca dao chưa phù hợp. Ở chương trình Ngữ văn 10 (nâng cao), với thời lượng 2 tiết, giáo viên vừa dạy phần *Ca dao than thân*, *Ca dao hài hước* vừa phải hướng dẫn học sinh *đọc thêm*. Từ đó, giáo viên và học sinh ít có thời gian, điều kiện tổ chức tìm hiểu sâu về mảng văn học đặc biệt thú vị của dân tộc này. Và tất yếu, những khám phá về văn hóa dân gian của các em học sinh qua ca dao còn nhiều hạn chế.

Ngoài ra, chương trình ca dao giữa hai bậc học Trung học Cơ sở và Trung học Phổ thông đang có sự chông chéo về nội dung, chưa thể hiện được tính phát triển, toàn diện trong việc tìm hiểu thể loại văn học dân gian này.

Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy cần phải trao đổi thêm về một số nội dung trong sách giáo khoa và sách giáo viên của chương trình Ngữ văn hiện hành. Trong sách Ngữ văn 7, tập I, ca dao được định nghĩa như sau: “*Ca dao, dân ca là những khái niệm tương đương, chỉ các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người...*” (Bộ GD&ĐT 2014, tr. 35). Trong định nghĩa trên, người biên soạn đã nhập các khái niệm ca dao, dân ca làm một. Nên chăng, chúng ta tách hai khái niệm này ra, rồi sau đó chỉ ra mối quan hệ giữa hai thể loại này.

Cũng trong sách Ngữ văn 7, tập I, lời ca dao “*Công cha như núi ngất trời. Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông*” có chỗ cũng cần phải trao đổi lại. Lời ca dao trên được xây dựng trong sự tương ứng nghĩa giữa câu lục và câu bát nhằm khẳng định công cha, nghĩa mẹ đều lớn lao như nhau. Chính vì vậy ở cả hai dòng đều lặp lại cấu trúc so sánh: *Công cha như...; Nghĩa mẹ như...* Với cấu trúc đó, sau “*như...*” đối tượng so sánh phải cùng từ loại, ở đây là núi và nước (đều là danh từ), và dĩ nhiên nếu có định ngữ đi kèm thì cả cụm từ (danh từ + định ngữ) cũng phải cùng từ loại. Trong khi đó, ở lời ca dao trên, trong dòng lục: *núi + ngất trời* là danh từ + tính từ, còn ở dòng bát lại là *nước + ở ngoài* là danh từ + trạng từ. Tính từ *ngất trời* để chỉ tính chất, trong khi trạng từ *ở ngoài* lại chỉ địa điểm. Như vậy tính chất đối xứng để tạo nên sự tương ứng nghĩa không còn hoặc ít ra là không hoàn chỉnh.

Ngoài ra, trong Ngữ văn 7, tập I, ca dao còn

được xem là một thể thơ: “*Ca dao còn được dùng để chỉ (cũng là) một thể thơ dân gian – thể ca dao*” (Bộ GD&ĐT 2014, tr. 35). Thế nhưng, trong sách giáo viên, khi nói về các thể thơ của ca dao, các tác giả lại cho rằng ca dao có nhiều thể thơ như: thể năm chữ, thể bảy chữ, thể lục bát, thể song thất lục bát,... Trong trường hợp này, các tác giả đã đánh đồng khái niệm thể loại với thể thơ. Khái niệm thể thơ phải được xác định dựa trên số chữ trong mỗi dòng thơ, trái lại thể loại là khái niệm chỉ những tác phẩm có cùng đặc trưng thi pháp.

Ở sách Ngữ văn 10, tập I của cả hai bộ (cơ bản và nâng cao) đều chọn cùng một văn bản lời ca dao *Mất thương nhớ ai*. Cả hai sách đều chú thích dẫn nguồn từ *Tục ngữ, ca dao dân ca* của Vũ Ngọc Phan, in lần thứ 8, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Tuy nhiên trong cuốn sách trên, dòng cuối của bài ca dao là “*Lo vì một nỗi chưa yên một bề*”. Với bản này, hàm ý của lời ca dao là cô gái rất nhớ người yêu nhưng còn lo chưa yên bề cha mẹ, họ hàng. Trong khi, tuy dẫn nguồn từ đây nhưng sách lại ghi là “*Lo vì một nỗi không yên một bề*”. Sự khác nhau ở các chữ *không, một* không chỉ là sự sai lệch với nguồn mà còn làm người học có thể nghĩ sai lệch về nội dung của văn bản.

Như vậy, có thể thấy, phân ca dao trong Sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành bên cạnh những mặt ưu điểm cần được đánh giá cao, duy trì vẫn còn những mặt hạn chế cần được điều chỉnh cho hợp lý hơn.

2.2. Dạy học tác phẩm ca dao trong mối quan hệ với văn hóa dân gian

2.2.1. Các góc độ văn hóa dân gian trong ca dao

Văn hóa dân gian là một chỉnh thể gồm nhiều bộ phận, cả văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Các loại hình văn hóa này gắn bó và có mối quan hệ qua lại với nhau, góp phần tạo nên nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Trong đó có thể kể đến một vài loại hình văn hóa tiêu biểu: văn hóa nông nghiệp, văn hóa ứng xử, tôn giáo – tín ngưỡng,... Văn học dân gian có mối quan hệ hữu cơ, tự nhiên, vốn có với các thành phần khác của văn hóa dân gian. Mối quan hệ đó biểu hiện ra thành mối quan hệ giữa văn học dân gian với nghi lễ, hội hè, phong tục tập quán sinh hoạt trong gia đình và sinh hoạt xã hội. Những yếu tố này, dù ở mức độ ít-nhiều, đậm-nhạt khác nhau, đã tồn tại trong ca dao, đã mang đến những sắc màu văn hóa cho các bài ca dao.

Việt Nam có nền nông nghiệp lúa nước lâu đời.

Vì vậy, từ sớm nước ta đã có nền văn hóa nông nghiệp gắn với cây lúa. Cũng từ đó, hình ảnh của cây lúa, của các loại cây trồng, con vật, hiện tượng, vật thể tự nhiên,... gắn với nền nông nghiệp lúa nước cũng trở thành những mã văn hóa độc đáo của dân tộc:

- *Trâu ơi ta bảo trâu này*

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta

Cấy cày vốn nghiệp nông gia

Ta đây trâu đấy ai mà quản công

Bao giờ ngọn lúa còn bông

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

- *Từ ngày ăn phải miếng trâu*

Miệng ăn môi đỏ dạ sầu tương tư.

Ngoài ra, để bảo vệ cây lúa, hoa màu, người dân tiến hành làm thủy lợi. Cũng từ đó tín ngưỡng tôn sùng nước, tôn sùng mặt trời được truyền bá trong dân gian. Ngoài ra, lối sống cộng đồng, làm chung, ăn cùng cũng trở thành lối sống phổ biến của các dân tộc trồng lúa nước, trong đó có Việt Nam. Và cũng do trồng lúa nước nên các nghi lễ, lễ hội, tôn giáo hay lịch sử của cộng đồng đều nương theo mùa vụ để tồn tại. Có thể nói, nhu cầu cộng đồng, cộng cảm của nghề trồng lúa nước đã chi phối, ảnh hưởng ít nhiều đến quan niệm sống, quan niệm ứng xử trong cộng đồng. Như đã nói, do xuất thân từ một nước nông nghiệp, người Việt Nam sống dựa vào nhau và rất coi trọng việc giữ gìn các mối quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong cộng đồng. Chính tính cộng đồng là nguyên nhân khiến người Việt Nam đặc biệt coi trọng việc giao tiếp. Trong giao tiếp, người Việt Nam đồng thời coi trọng cả sự thẳng thắn, bộc trực và cả sự tế nhị, ý tứ và trọng sự hòa thuận để giữ gìn, củng cố tình thân, phát triển mối quan hệ:

- *Vàng thì thử lửa, thử than,*

Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời.

- *Một thương tóc bỏ đuôi gà,*

Hai thương ăn nói mặn mà có duyên...

- *Yêu nhau yêu cả đường đi*

Ghét nhau, ghét cả tông ti họ hàng.

Yêu nhau cau sáu bổ ba,

Ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười.

Yêu nhau mọi việc chẳng nề,

Một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.

Đến với ca dao, ta thường bắt gặp những nét sinh hoạt, những cảnh vật quen thuộc trong đời sống hàng ngày của nhân dân lao động. Đây sẽ là một kho tài liệu phong phú về phong tục tập quán ở nông thôn xưa. Ca dao cho chúng ta biết khá nhiều và khá chi tiết về các phong tục tập quán trong các lĩnh vực sinh hoạt vật chất và sinh hoạt tinh thần của nhân dân lao động. Đó là cảnh làm ăn vất vả, cực nhọc của một nước nhiệt đới mà sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố thời tiết. Đó là những sinh hoạt, hội hè mang đậm bản sắc dân gian,... Qua đó, người đọc sẽ có dịp cảm nhận được lối sống, lối nghĩ và những phẩm chất quý báu của con người Việt Nam.

Văn học dân gian nói chung, ca dao nói riêng đều có ý thức hoặc vô thức thể hiện phong tục tập quán của cộng đồng mà nó sản sinh. Sự lựa chọn và phản ánh phong tục tập quán trong ca dao cũng như trong đời sống hoàn toàn mang tính chủ quan, không có quy luật chung cho mọi cộng đồng, chỉ phụ thuộc vào điều kiện sống và quan niệm tín ngưỡng của họ:

- Dù ai buôn đâu bán đâu,

Mùng chín tháng tám chọi trâu thì về.

- Dù ai đi ngược về xuôi,

Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba

Như vậy, với việc là sản phẩm, là tiếng nói của nhân dân sản sinh ra trong một hoàn cảnh nhất định, nên để hiểu một bài ca dao, chúng ta cần đặt nó vào đời sống thực của nó. Đó là môi trường văn hóa dân gian. Trong môi trường đó, chúng ta sẽ có thêm cơ sở để soi sáng văn bản ngôn từ và khám phá ra vẻ đẹp độc đáo của ca dao.

2.2.2. Đặc trưng thể loại của ca dao với việc tổ chức dạy học ca dao trong mối quan hệ với văn hóa dân gian

Có thể nói, dạy ca dao là dạy thơ dân gian. Dạy thơ cần khái quát, khai thác các yếu tố nội dung và nghệ thuật. Riêng đối với ca dao, về bản chất, nó có những yếu tố khác với văn học viết. Vì vậy, khi dạy ca dao cần phát hiện ra những yếu tố khác biệt để thấy được cái hay, độc đáo chỉ có ở ca dao. Theo đó, khi dạy học ca dao, chúng ta không thể bỏ qua các đặc trưng về mặt thể loại.

Một đặc trưng quan trọng của ca dao phải kể đến đó là hệ đề tài, chức năng và thi pháp. Hệ đề tài là phần lời của những câu hát dân gian. Về mặt này, ca dao kết tinh từ lời ăn tiếng nói hàng ngày

của quần chúng nhân dân. Ngôn ngữ ca dao là thứ ngôn ngữ giản dị, đẹp đẽ, trong sáng, được chắt lọc qua nhiều thế hệ. Các cung bậc tình cảm trong ca dao vì thế được diễn tả một cách chân thành, mộc mạc, nhiều lúc “thẳng băng” nhưng không kém phần sinh động và giàu sức biểu cảm. Điều đó làm cho không ít câu ca dao đã vượt tới sự mẫu mực, có câu còn mang dấu ấn của văn chương bác học:

Chàng đi thiếp cũng theo cùng

Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam

Vì dầu tình có dở dang

Thì cho thiếp gọi đờ ngang thiếp về

Trong ca dao, các đại từ nhân xưng và đại từ phiếm chỉ được sử dụng với mật độ cao. Điều đó làm rõ thêm sắc thái dân gian riêng biệt trong ca dao. Ngôn ngữ ca dao không giống như ngôn ngữ trong văn học viết, nó vừa mang sắc thái dân gian gắn với cách cảm, cách nghĩ của cộng đồng, vừa gắn với những cảm xúc cá nhân trong các tình huống cụ thể. Cái tôi trữ tình dân gian là cái tôi phiếm chỉ, cái tôi phổ biến.

Nhưng khi dạy học ca dao, chúng ta không nên cố gắng phân tích chi tiết mà nên đặt trong sự khảo sát, so sánh giữa hiện thực và lịch sử, với những biểu tượng tương đồng để tìm ra giá trị văn hóa và giá trị thẩm mỹ của văn bản ca dao.

Mặt khác, hầu hết ca dao là những câu hát ru, hò đối, lý,... nên hình thức diễn xướng là hình thức đặc trưng. Như vậy, trong ca dao, yếu tố giai điệu cũng được xem là yếu tố quan trọng. Nó vừa cho thấy điểm khác nhau cơ bản giữa ca dao và thơ vừa lí giải vì sao ca dao dân ca nếu được hát sẽ hấp dẫn và thể hiện nội dung chính xác hơn. Vì vậy, khi tìm hiểu về đặc điểm và phân loại ca dao Việt Nam cần chú ý tới những yếu tố: lời ca, giai điệu và hình thức sinh hoạt. Nói một cách khác, khi tìm hiểu, đánh giá một câu hát hoặc một bài hát dân gian với tư cách là một sáng tác ngôn ngữ cần phải chú ý tới mối quan hệ hữu cơ giữa nó với một giai điệu hay một giọng hát nhất định với một hệ thống câu hát hoặc bài hát nhất định.

Về mặt kết cấu, tuy lối đối đáp là đặc điểm dễ nhận thấy trong ca dao nhưng không hẳn mọi bài ca dao đều chia ra rõ ràng lời của hai nhân vật trữ tình cùng tham gia đối đáp. Có những bài ca dao chỉ kết cấu theo một vế. Lối đối đáp trong ca dao cho thấy nhân vật trữ tình muốn được bộc lộ, giải bày tâm trạng, cảm xúc. Chẳng hạn:

- *Chàng ơi phụ thiếp làm chi
Thiếp như com nguội đỡ khi đói lòng.
- Dầu mà không lấy được em
Anh về đóng cửa cài rèm đi tu
Tu mô cho em tu cùng
May ra thành phật thờ chung một chùa.*

Một đặc điểm khá quan trọng trong kết cấu của ca dao là việc sử dụng lặp lại mô típ dân gian. Các công thức mở đầu có tính khuôn mẫu như: *trèo lên, thân em, ước gì, chiều chiều,...* tạo ra vô hạn các dị bản. Có đặt các văn bản ca dao vào hệ thống mô típ đó mới hết cái độc đáo, đặc sắc của ca dao dân gian.

Ngoài ra, bản chất của ca dao là tính trữ tình. Hình tượng nhân vật trong ca dao là nhân vật tâm trạng, cảm xúc chứ không phải là con người tự sự. Cho nên, giảng dạy ca dao cần chú ý đến bản chất trữ tình được bộc lộ trực tiếp như thế nào và điều gì đã khiến ca dao dân gian có thể đi vào trái tim hàng triệu con người của biết bao thế hệ.

Như đã nói, ca dao là thơ dân gian. Vì vậy, dạy học ca dao theo đặc trưng thi pháp chủ yếu là để phát hiện những yếu tố hình thức chứa đựng giá trị nội dung rõ nhất, sâu sắc nhất. Tuy nhiên, ca dao không chỉ hàm chứa chất thơ dân dã và nhịp điệu ruộng đồng mà còn phản chiếu nội dung văn hóa dân gian và nghệ thuật diễn xướng dân gian với những dấu ấn nguyên hợp và folklore. Do đó, nếu chỉ tiếp cận ca dao theo hướng thi pháp, tuy là cần thiết nhưng vẫn chưa đủ để có thể khám phá các bình diện nội dung và ý nghĩa khác trong ca dao. Hơn nữa, ca dao là sáng tác tập thể được lưu truyền trong đời sống sinh hoạt của người bình dân để đáp ứng nhu cầu bộc lộ và giao lưu tình cảm. Vì thế, ca dao không có những sáng tạo hình thức nghệ thuật độc đáo có ý nghĩa quyết định toàn bộ giá trị bài ca dao. Nếu quá tập trung vào tiếp cận thi pháp và phân tích thi pháp ca dao thì sẽ không tránh được suy diễn, khiên cưỡng, cứng nhắc, phiến diện khi dạy học ca dao. Nói cách khác, ngoài hướng tiếp cận thi pháp, còn cần đảm bảo hướng tiếp cận đồng bộ như tiếp cận văn hóa, tiếp cận folklore, tiếp cận hệ thống chủ đề và cấu trúc thì việc dạy học ca dao mới thu nhận được hiệu quả và chất lượng mong muốn.

2.2.3. Tổ chức dạy học ca dao trong mối quan hệ với văn hóa dân gian

Với quan niệm xem văn học dân gian là một

bộ phận của văn hóa dân gian, thao tác nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích các tác phẩm văn học dân gian cũng được đặt trong mối quan hệ đó. Khi tìm hiểu văn học dân gian như là một bộ phận của văn hóa dân gian, các nhà nghiên cứu cho rằng cần tập trung vào việc giải mã các “mã văn hóa” có trong tác phẩm. Bởi đó chính là sự thể hiện tập trung các đặc điểm và bản chất văn hóa mỗi cộng đồng. Việc giảng dạy văn học dân gian nói chung, ca dao nói riêng trong mối quan hệ với văn hóa dân gian cũng không nằm ngoài xu hướng đó.

Dạy học ca dao là dạy một loại hình nghệ thuật đặc thù: vừa là nghệ thuật ngôn từ như văn học viết, lại mang bản sắc chung của một sáng tác folklore với những nét riêng về thi pháp. Bất cứ một bài ca dao nào – dù chỉ bao gồm một cặp lục bát – cũng là sự tổng hòa của cả ba mặt: nghệ thuật ngôn từ, bản sắc folklore và đặc trưng thi pháp. Bởi vậy, trong quá trình hướng dẫn học sinh chiếm lĩnh một tác phẩm ca dao, phải đảm bảo sự thống nhất hài hòa giữa ba mặt đó. Khi dạy ca dao, giáo viên cần chú ý đến việc tái hiện môi trường diễn xướng, hoàn cảnh văn hóa của nó, tạo điều kiện cho các em hòa nhập vào không khí ca dao. Có như thế, việc tiếp thu, lĩnh hội các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

Từ đó, chúng tôi xác định quy trình các bước dạy học một tác phẩm ca dao trong nhà trường như sau:

Thứ nhất, cần định hướng cho học sinh trong quá trình chiếm lĩnh một tác phẩm ca dao. Lưu ý học sinh xác định mối quan hệ đúng đắn giữa ba mặt nghệ thuật của một tác phẩm ca dao khi tiếp cận. Trong ba mặt này thì nghệ thuật ngôn từ là cái bao quát chung, sắc thái folklore là điều quan trọng phải lưu ý (để phân biệt ca dao là sáng tác dân gian với những sáng tác của văn học viết), nhưng yếu tố quyết định nhất vẫn là thi pháp ca dao. Vì đây mới là căn cứ để tìm ra vẻ đẹp đích thực và riêng biệt của ca dao. Hướng học sinh tìm ra những điểm hội tụ ba mặt nghệ thuật ấy để tìm hiểu, phân tích, nhằm nêu lên vẻ đẹp bài ca dao và bộc lộ chủ đề của tác phẩm. Điểm hội tụ ấy thường nằm trong những chi tiết quan trọng của tác phẩm. Giáo viên phải hướng dẫn học sinh lựa chọn đúng những chi tiết quan trọng để khai thác, phân tích, bằng cách gợi mở trí tưởng tượng, óc liên tưởng của học sinh để các em cảm nhận được các mặt nghệ thuật đó. Như việc giáo viên hướng dẫn học sinh từng bước khám phá chi tiết nghệ thuật: “chiếc cầu dải yếm”, “tắm lụa đào”,... trong các bài ca dao.

Thứ hai, cần hướng dẫn học sinh chiếm lĩnh từng bài ca dao trong hệ thống chuỗi của nó. Cũng như những thể loại khác của văn học dân gian, về bản chất, ca dao là loại tác phẩm chuỗi (vì văn học dân gian là sáng tác tập thể của người bình dân mang tư duy cộng đồng và cảm hứng dân gian). Vì vậy, khi dạy ca dao không thể chỉ dạy một cách cô lập trên văn bản ngôn từ, trên bản thân bài ca dao mà phải dạy ca dao trên quan điểm hệ thống, bằng phương pháp hệ thống. Có như vậy, tác phẩm mới được soi sáng, lý giải một cách toàn diện, sâu sắc hơn. Khi dạy ca dao theo phương pháp hệ thống, cần đặt nó vào những hệ thống sau: hệ thống dị bản, hệ thống mô típ, hệ thống văn hóa dân gian. Như khi dạy các bài *Ca dao than thân; Ca dao yêu thương tình nghĩa*;... giáo viên yêu cầu học sinh chuẩn bị bài trước ở nhà: “Sưu tầm một số bài ca dao có mô thức mở đầu bằng: *Thân em như...; Trèo lên...; sưu tầm những bài ca dao có hình ảnh chiếc cầu,...* Hoặc giáo viên có thể yêu cầu học sinh thực hiện những bài nghiên cứu tìm hiểu *những biểu trưng về tình yêu, về thân phận người phụ nữ,...*

Thứ ba, tìm và giải mã các yếu tố văn hóa trong văn học dân gian. Các yếu tố này được xem là các yếu tố ngoài văn bản, góp phần rất lớn cho việc định hướng cách hiểu, cảm thụ một bài ca dao. Như khi dạy bài “Ước gì sông rộng một gang...”, giáo viên nên đặt hình ảnh chiếc cầu dải yếm của cô gái trong sự so sánh với hệ thống hình ảnh những cây cầu khác trong ca dao (cảnh trâm, cảnh hồng, ngọn mồng toi,...). Để từ đó đi đến kết luận về sự tinh tế, độc đáo của dân gian trong việc lựa chọn hình ảnh chiếc cầu dải yếm. Đặc biệt hơn bởi vì nó không phải là cái bên ngoài đi mượn mà là vật thân thiết gắn gũi nhất của cô gái. Chiếc cầu – dải yếm là chiếc cầu tình yêu mà cô gái chủ động bắc cho người mình yêu cho thấy thái độ muốn vượt lên trên sự ràng buộc khắt khe của lễ giáo phong kiến ngày xưa. Nó thể hiện sự táo bạo nhưng cũng rất trữ tình, ý nhị, kín đáo của cô gái. Thông qua hình ảnh chiếc cầu – dải yếm độc đáo, bài ca dao đã giải bày một ước muốn khá táo bạo và tha thiết của người con gái trong tình yêu: đón người yêu bằng dải yếm mềm mại mang hơi ấm của cơ thể và nhịp đập của trái tim mình. Đây là một cách thể hiện bình dị, mãnh liệt nhưng cũng hết sức tế nhị, duyên dáng.

Thứ tư, hướng dẫn học sinh khai thác mặt văn bản ngôn từ và các yếu tố ngoài văn bản (chú ý tái hiện không khí đồng quê, khơi gợi tâm thức tiếp

nhận folklore để các em cảm nhận tốt tác phẩm). Tìm những yếu tố nằm ngoài văn bản bài ca dao và lựa chọn những yếu tố phù hợp nhất, có mối quan hệ biện chứng, tương hỗ, thống nhất với văn bản bài ca dao. Có thể hướng dẫn học sinh khai thác hệ thống dị bản, hệ thống các mô típ, các làn điệu dân ca, môi trường, cách thức diễn xướng, người diễn xướng, phương thức tồn tại, sự vận động trong đời sống dân gian, các chức năng sinh hoạt, thực hành xã hội,... của ca dao. Có gắn kết như vậy, chúng ta mới cảm nhận được môi trường diễn xướng, người diễn xướng, nếp sinh hoạt văn hoá dân gian mà trong đó ẩn chứa như: thân phận bé nhỏ của người con gái trước xã hội – cuộc đời, sự lo âu trăn trở trước tình duyên; những câu hát giao duyên bộc lộ sự than thân, trách phận chứa tâm trạng,... Để thực hiện việc này, giáo viên có thể cung cấp cho học sinh những hiểu biết về thể giới làng quê xưa trong ca dao cổ truyền về các mặt: phong cảnh, cách cảm, cách nghĩ, tâm lý, ngôn ngữ, phong tục tập quán, ... của người bình dân. Bên cạnh đó, ngoài giờ học, giáo viên có thể tổ chức cho các em tham gia sinh hoạt hội hè dân gian, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian như: nghe hát dân ca, dự các cuộc hát đối nam nữ, xem phim ảnh, băng hình về các làn điệu dân ca... để các em hiểu thêm về đời sống thực của ca dao. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh sưu tầm băng hình phục vụ cho bài học: cảnh hát đối đáp, không gian làng quê xưa,...; hoặc trực tiếp diễn xướng, tái hiện không khí diễn xướng ca dao;...

Bên cạnh đó, để tổ chức các bước dạy học ca dao trên, giáo viên nên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với đặc trưng thể loại ca dao như: phương pháp dạy học nêu vấn đề, dạy học theo nhóm, sưu tầm,... để xác định hoàn cảnh ra đời, thể loại, tái hiện không gian diễn xướng, của các bài ca dao; phương pháp dạy học nêu vấn đề, tổ chức cho học sinh thảo luận, thực hiện những bài nghiên cứu nhỏ,... để khai thác các giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật, giá trị văn hóa ứng xử, các biểu tượng văn hóa dân gian,... trong khi dạy các bài ca dao cụ thể.

Trên đây chúng tôi vừa đề xuất các bước cơ bản khi phân tích, giảng dạy một bài ca dao. Với xu hướng đổi mới phương pháp dạy và học hiện nay, mô hình tiếp cận tìm hiểu, phân tích một bài ca dao trong mối quan hệ với văn hóa dân gian ở trên chỉ mang tính chất như “một cái khung” để chúng ta hướng dẫn học sinh chiếm lĩnh bài ca dao. Trong quá trình giảng dạy, tùy từng bài ca dao, giáo viên

có thể linh hoạt thay đổi, bỏ qua một số bước để phù hợp với không gian lớp học, với trình độ của học sinh, trình độ của giáo viên; vào quỹ thời gian chuẩn bị và giảng dạy trên lớp,...

3. Kết luận

Việc tìm hiểu văn học dân gian nói chung và ca

dao nói riêng trong mối quan hệ với văn hóa dân gian sẽ giúp chúng ta khám phá, khẳng định được những giá trị văn hóa được bảo lưu trong từng tác phẩm. Từ đó góp phần hình thành ở mỗi con người Việt Nam, đặc biệt là ở giới trẻ tinh thần dân tộc và tinh thần yêu nước.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục & Đào tạo. 2014. *Ngữ văn 7*. Tập I. NXB Giáo dục.

Bộ Giáo dục & Đào tạo. 2014. *Ngữ văn 7*. Tập II. NXB Giáo dục.

Bộ Giáo dục & Đào tạo. 2014. *Ngữ văn 10*. Tập I. NXB Giáo dục.

Nguyễn, Nghĩa Dân. 2013. *Văn hóa giao tiếp, ứng xử trong tục ngữ - ca dao Việt Nam*. NXB Văn hóa Thông tin.

Chu, Xuân Diên. 2008. *Nghiên cứu văn hóa dân gian*. NXB Giáo dục.

Nguyễn, Xuân Đức và Nguyễn, Xuân Lạc. 2012. *Văn học dân gian trong nhà trường*. NXB Văn hóa Dân tộc.

Nguyễn, Thị Bích Hà. 2013. *Nghiên cứu Văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.

Vũ, Ngọc Phan. 2010. *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn học.

Trần, Ngọc Thêm. 1996. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB TP.HCM.

Hoàng, Tiến Tựu. 1993. *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy – nghiên cứu văn học dân gian*. NXB Giáo dục.